Người ký: Trần Thị Kim Định
Ngày ký: 01/04/2025 19:30:25
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mã chương: 426

Đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh

Mã ĐVQHNS: 1029320

Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền nhiên liệu	12	332	6503	00000	0	0	462.220	462.220	462.220	462.220
Phụ cấp công tác phí	12	332	6702	00000	0	0	100.000	100.000	100.000	100.000
Chi khác	12	398	6299	00000	0	0	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	332	6001	00000	0	0	163.612.800	163.612.800	163.612.800	163.612.800
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	332	6051	00000	0	0	8.820.000	8.820.000	8.820.000	8.820.000
Phụ cấp chức vụ	13	332	6101	00000	0	0	9.360.000	9.360.000	9.360.000	9.360.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	332	6113	00000	0	0	936.000	936.000	936.000	936.000
Chi khác	13	332	6299	00000	0	0	21.300.000	21.300.000	21.300.000	21.300.000
Bảo hiểm xã hội	13	332	6301	00000	0	0	30.904.776	30.904.776	30.904.776	30.904.776
Bảo hiểm y tế	13	332	6302	00000	0	0	4.825.464	4.825.464	4.825.464	4.825.464
Kinh phí công đoàn	13	332	6303	00000	0	0	3.635.856	3.635.856	3.635.856	3.635.856
Bảo hiểm thất nghiệp	13	332	6304	00000	0	0	1.660.848	1.660.848	1.660.848	1.660.848
Các khoản đóng góp khác	13	332	6349	00000	0	0	1.694.364	1.694.364	1.694.364	1.694.364
Chi khác	13	332	6449	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Tiền điện	13	332	6501	00000	0	0	2.713.707	2.713.707	2.713.707	2.713.707
Tiền nước	13	332	6502	00000	0	0	398.667	398.667	398.667	398.667

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	332	6601	00000	0	0	135.948	135.948	135.948	135.948
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	332	6605	00000	0	0	498.000	498.000	498.000	498.000
Khoán điện thoại	13	332	6618	00000	0	0	200.000	200.000	200.000	200.000
Chi phí khác	13	332	6699	00000	0	0	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000
Khoán công tác phí	13	332	6704	00000	0	0	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
Thuê thiết bị các loại	13	332	6754	00000	0	0	1.050.000	1.050.000	1.050.000	1.050.000
Thuê lao động trong nước	13	332	6757	00000	0	0	3.024.000	3.024.000	3.024.000	3.024.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	13	332	6905	00000	0	0	9.126.000	9.126.000	9.126.000	9.126.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	332	7001	00000	0	0	221.500	221.500	221.500	221.500
Chi các khoản phí và lệ phí	13	332	7756	00000	0	0	66.000	66.000	66.000	66.000
Chi các khoản khác	13	332	7799	00000	0	0	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000
				Cộng:	0	0	282.146.150	282.146.150	282.146.150	282.146.150
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán **Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

Le Huu Loc

Người ký: Tran Thi Kim Dinh
Ngày ký: 01/04/2025 19:30:25
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI

Tran Thi Kim Dinh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phan Thị Hồng Bạch
Ngày ký: 01/04/2025 07:55:19
Đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh

Người ký: Hoàng Văn Chiến
Ngày ký: 01/04/2025 08:02:09
Đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh

Phan Thị Hồng Bạch Hoàng Văn Chiến